TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1983; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1983; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà P, bị đơn ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 01/3/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà P trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Khắc C chung

sống với nhau từ năm 1998. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2004 tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông C thường xuyên cờ bạc về kiếm chuyện đánh đập vợ con, không lo lắng gì đến vợ con. Hiện nay, bà P thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà P và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Khắc M, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011. Tại phiên tòa, bà P chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Minh A cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Khắc M đã đủ trưởng thành nên không yêu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ mà bà P giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 khởi kiện ly hôn ngày 01/3/2018; 01 bản sao giấy CMND và Sổ hộ khẩu; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai ngày 01/3/2018; 01 bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011; 01 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 120/2015/QĐST – HNGĐ ngày 07/8/2015 của TAND huyện Dầu Tiếng. Ngoài ra, bà P không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Tại bản tự khai ngày 27/3/2018, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông C trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C thống nhất ý kiến với bà P về quá trình chung sống với nhau từ năm 1998. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2004 tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông C xác định không chơi cờ bạc, không đánh đập vợ con như bà P trình bày, ông C còn thường yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà P.

- *Về con chung:* Ông C thống nhất với bà P, giữa ông C và bà P có 02 con chung tên Nguyễn Khắc M, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011. Do ông C không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc ai nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* ông C không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ mà ông C giao nộp là bản tự khai ngày 27/3/2018. Ngoài ra, ông C không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Kết quả xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông C, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương thì bà P và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trước đây bà P từng khởi kiện yêu cầu ly hôn, sau đó tự nguyện rút đơn về để đoàn tụ với ông C, ông C thường chơi cờ bạc nhưng chưa bị xử lý hành chính hay hình sự. Ngoài ra, ông C còn có hành vi bạo hành gia đình, bà P tâm sự với nhiều người trong xóm nhưng không trình báo hoặc nhờ ai can thiệp từ chính quyền địa phương.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà P, bị đơn ông C có mặt. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn xin ly hôn ngày 01/3/2018, bà P khởi kiện ông C với các yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh A cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Minh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P, không đồng ý ly hôn và xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, vẫn chăm lo cho gia đình. Các bên đương sự có hộ khẩu thường trú và nơi cứ trú tại Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông C chung sống với nhau từ năm 1998. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2004 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà P và ông C là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà P và ông C thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông C thường chơi cờ bạc

dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà P xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng nên không thể chung sống với nhau được nữa nên muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Ông C xác định, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông C vẫn còn thương yêu vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng ông C thật sự không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường xuyên chơi bài bạc, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56, 91 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của bà P và ông C là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà P và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Khắc M, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011. Đối với con chung tên Nguyễn Khắc M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Tại phiên tòa, bà P đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh A cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Minh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Mặc dù, ông C không có ý kiến về việc người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nhưng giữa bà P với ông C đã được giải quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử phải xem xét mới phù hợp pháp luật.

Hiện nay, cháu Minh A đang sinh sống cùng với ông C tại căn nhà chung của vợ chồng. Bà P xác định, sau ly hôn bà P sống nhờ tại nhà của mẹ ruột nên có khó khăn về nhà ở nên ý kiến giao cháu Minh A cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P xác định mình có trách nhiệm đối với con chung và chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu Minh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của bà P và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị Hồng P đối với ông Nguyễn Khắc C, xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Hồng P được ly hôn đối với ông Nguyễn Khắc C.

1.2. *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Nguyễn Khắc C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 26/10/2011. Bà Lê Thị Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi án Bản án có hiệu lực pháp luật .

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bà P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011484 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, bà P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 12/4/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự . Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Hp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng